

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Ngôn ngữ Anh
Tên tiếng Anh	: The English Language
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Ngôn ngữ Anh
Mã ngành	: 52220201
Loại hình đào tạo	: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 437/QĐ-NTT, ngày 28 tháng 09 năm 2012 của
Hiệu Trường Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất đạo đức, chính trị, tác phong nghề nghiệp, kiến thức và năng lực chuyên môn và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực có sử dụng tiếng Anh, nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho xã hội, góp phần cao nhất vào quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình tập trung phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh và năng lực chuyên môn.

1.2.1. Năng lực giao tiếp

- Sinh viên có thể đạt được cấp độ C1 theo khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ của Châu Âu (CEFR) khi tốt nghiệp; có thể giao tiếp bằng tiếng Anh lưu loát.
- Có kiến thức vững chắc về ngôn ngữ Anh để áp dụng vào công việc giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, và môi trường kinh doanh.
- Có kiến thức cơ bản về văn chương, cảm thụ được các tác phẩm văn học và hiểu biết về lịch sử văn học Anh, Mỹ.
- Có nhận thức cơ bản về văn hóa của các nước nói tiếng Anh qua học tập và hiểu rõ sự khác biệt về văn hóa nước ngoài và văn hóa bản xứ.
- Có thể giao tiếp và sử dụng tiếng Anh lưu loát trong công việc.

1.2.2. Năng lực chuyên môn:

Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy:

- Nhận biết ưu và khuyết điểm của các phương pháp dạy học.
- Có phương pháp dạy nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp, từ vựng, luyện âm...

- Soạn giáo án và giảng dạy hiệu quả.
- Biết sử dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy khác nhau để thúc đẩy sinh viên học tích cực.
- Nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên trong và ngoài lớp học.
- Có khả năng quản lý hiệu quả các hoạt động trong lớp.

Chuyên ngành biên phiên dịch:

- Phân tích, chuyển đổi, và sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh thành thạo.
- Phát triển tư duy logic.
- Phát triển khả năng phản xạ, tính linh hoạt trong môi trường học tập và làm việc.
- Có khả năng sử dụng các kỹ thuật biên phiên dịch khác nhau để đạt được hiệu quả dịch thuật cao nhất.
- Phát triển các kỹ năng nghề nghiệp như: trình bày vấn đề, giải quyết tình huống, hoạt động nhóm, ...

Chuyên ngành Anh văn thương mại

- Bồi dưỡng và nâng cao năng lực học tập và làm việc trong môi trường kinh doanh.
- Phát triển ý thức tìm tòi, học hỏi và trang bị đầy đủ kiến thức làm việc trong môi trường tương lai.
- Có khả năng sử dụng máy tính, truy cập internet để tự học, và phát triển năng lực chuyên môn.
- Chương trình đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng sinh viên có thể trở thành giáo viên dạy giỏi, người biên phiên dịch giỏi, và nhân viên giỏi đảm trách công việc văn phòng trong môi trường kinh doanh.

1.3. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành tiếng Anh sẽ đạt được những tiêu chuẩn sau:

a. Về thái độ

- Có tác phong nghiêm túc, có tính kỷ luật và trách cao trong công việc.
- Năng động trong công việc và không ngừng học tập, trau dồi nghề nghiệp.
- Trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b. Về kiến thức:

- ***Có sự hiểu biết về những vấn đề đương đại***

Các quá trình liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước cũng như vấn đề tư duy và phân tích mối quan hệ biện chứng của những hiện tượng, sự việc các học phần bao gồm:

- Giáo dục quốc phòng (lý thuyết và thực hành)
- Những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mac – Lênin

- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam
- Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - **Nắm vững 4 kỹ năng căn bản (nghe – nói – đọc – viết) và có năng lực chuyên môn cao (tương ứng với từng ngành được nêu trong mục 1.2.2)**
 - **Ngoại ngữ 2:** đạt chuẩn tương đương trình độ B tiếng Trung, Nhật, hoặc Hàn.
 - **Tin học:** đạt chuẩn tương đương trình độ A, có thể sử dụng thành thạo các phần mềm office.
 - **Nhân văn – Nghệ thuật:** Có kỹ năng mềm về giải quyết công việc & quản lý thời gian + kỹ năng bàn phím 45 từ/ phút. (có được từ các lớp học ngoại khóa)

c. Vị trí việc làm:

- Giáo viên dạy tại các trường trung học phổ thông, trung tâm ngoại ngữ
- Thư ký, nhân viên văn phòng tại các công ty du lịch, nhà hàng, khách sạn, hoặc doanh nghiệp, công ty kinh doanh .
- Chuyên viên về biên phiên dịch cho các tạp chí, báo, công ty, ...

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3.5 - 4 năm/ khóa

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 144 - 145 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo quy chế đào tạo Đại học Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo).

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 51 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Kiến thức bắt buộc: 33 tín chỉ

7.1.1.1. Lý luận chính trị

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	75		
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45		070018(a)
		Tổng	10	150		

7.1.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070354	Quản trị học	2	30		
5	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
6	070021	Tiếng Việt thực hành	2	30		
7	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30		070021(a)
8	070011	Pháp luật đại cương	2	30		
9	070310	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	2	30		
10	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45		
		Tổng	15	225		

7.1.1.3. Nhân văn – Nghệ thuật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	2	30		
12	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	2	30		070006(a)
		Tổng	4	60		

7.1.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	070405	Tin học văn phòng 1	2		60	
14	070406	Tin học văn phòng 2	2		60	070405(a)
		Tổng	4		120	

7.1.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
15	070023	Giáo dục thể chất	3			
		Tổng	3			

7.1.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
16	070022	Giáo dục quốc phòng			165	
		Tổng			165	

7.1.2. Kiến thức tự chọn: 18 tín chỉ (sinh viên chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)**7.1.2.1. Tiếng Trung:**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070329	Tiếng Trung 1	3	30	30	
18	070330	Tiếng Trung 2	3	30	30	070329(a)
19	070331	Tiếng Trung 3	3	30	30	070330(a)
20	070332	Tiếng Trung 4	3	30	30	070331(a)
21	070333	Tiếng Trung 5	3	30	30	070332(a)
22	070334	Tiếng Trung 6	3	30	30	070333(b)
		Tổng	18	180	180	

7.1.2.2. Tiếng Nhật

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
23	070323	Tiếng Nhật tổng hợp 1	3	30	30	
24	070324	Tiếng Nhật tổng hợp 2	3	30	30	070323(a)
25	070325	Tiếng Nhật tổng hợp 3	3	30	30	070324(a)
26	070326	Tiếng Nhật tổng hợp 4	3	30	30	070325(a)
27	070327	Tiếng Nhật tổng hợp 5	3	30	30	070326(a)

28	070328	Tiếng Nhật tổng hợp 6	3	30	30	070327(b)
		Tổng	18	180	180	

7.1.2.3. Tiếng Hàn

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
29	070247	Tiếng Hàn 1	3	30	30	
30	070248	Tiếng Hàn 2	3	30	30	070247(a)
31	070249	Tiếng Hàn 3	3	30	30	070248(a)
32	070250	Tiếng Hàn 4	3	30	30	070249(a)
33	070251	Tiếng Hàn 5	3	30	30	070250(a)
34	070252	Tiếng Hàn 6	3	30	30	070251(b)
		Tổng	18	180	180	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 93 – 94 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 66 tín chỉ

▪ Kiến thức cơ sở bắt buộc: 60 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
35	070303	Nghe - Nói 1 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	
36	070304	Nghe - Nói 2 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070303(a)
37	070305	Nghe - Nói 3 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070304(a)
38	070306	Nghe - Nói 4 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070305(a)
39	070307	Nghe - Nói 5 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070306(a)
40	070308	Nghe - Nói 6 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070307(a)
41	070288	Đọc - Viết 1 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	
42	070289	Đọc - Viết 2 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070288(a)
43	070290	Đọc - Viết 3 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070289(a)
44	070291	Đọc - Viết 4 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070290(a)
45	070292	Đọc - Viết 5 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070291(a)
46	070293	Đọc - Viết 6 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070292(a)
47	070340	Viết nâng cao (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070293(b)
48	070313	Ngữ pháp 1 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	
49	070314	Ngữ pháp 2 (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	070313(a)
50	070299	Kỹ năng học tiếng Anh	2	15	30	
51	070300	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	2	15	30	070308(a) 070340(a)
52	070302	Luyện phát âm (Ngôn ngữ Anh)	3	30	30	
53	070296	Hình thái học – Cấu pháp học	2	15	30	070314(a)
54	070312	Ngữ nghĩa học	2	15	30	070296(a)
55	070337	Văn hóa Mỹ	2	15	30	070308(a) 070340(a)
56	070339	Văn học Mỹ	2	15	30	070308(a) 070340(a)
		Tổng	60	570	660	

- **Kiến thức cơ sở tự chọn: 6 tín chỉ** (đối với các học phần tự chọn cơ sở, cố vấn học tập sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn phù hợp với chuyên ngành mà sinh viên đăng kí học)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
57	070274	Anh ngữ du lịch	2	15	30	070292(a) 070307(a)

58	070275	Anh ngữ kinh doanh	2	15	30	070292(a) 070307(a)
59	070277	Anh ngữ văn phòng 1	2	15	30	070292(a) 070307(a)
60	070278	Anh ngữ văn phòng 2	2	15	30	070277(a)
61	070336	Văn hóa công ty	2	15	30	070292(a) 070307(a)
62	070315	Phân tích điển ngôn	2	15	30	070292(a) 070307(a)
63	070311	Ngữ âm học	2	15	30	070302(a)
64	070285	Cách viết khóa luận tốt nghiệp	2	15	30	070292(a) 070307(a)
65	070295	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy	2	15	30	070292(a) 070307(a)
66	070335	Văn hóa Anh	2	15	30	070292(a) 070307(a)
67	0760338	Văn học Anh	2	15	30	070292(a) 070307(a)
68	070273	Anh ngữ báo chí	2	15	30	070292(a) 070307(a)
69	070276	Anh ngữ nhà hàng- khách sạn	2	9	36	070292(a) 070307(a)
70	070298	Kỹ năng bán hàng	2	15	30	070292(a) 070307(a)

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 27-28 tín chỉ

▪ Chuyên ngành phương pháp giảng dạy: 21 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
71	070316	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	30	30	070292(a) 070307(a)
72	070317	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	3	30	30	070316(b)
73	070318	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3	3	30	30	070317(b)
74	070319	Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập	2	15	30	070308(a) 070340(a)
75	070321	Tâm lý học	2	30		
76	070294	Giáo dục học	2	15	30	
77	070322	Thực tập cuối khóa – PP giảng dạy	6		360	070317(a) 070319(a)
		Tổng	21	150	510	

▪ Chuyên ngành biên – phiên dịch: 20 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
78	070287	Dịch căn bản	2	15	30	070292(a) 070307(a)
79	070281	Biên phiên dịch 1	3	30	30	070292(a) 070307(a)
80	070282	Biên phiên dịch 2	3	30	30	070281(b)
81	070283	Biên phiên dịch 3	3	30	30	070282(b)

82	070284	Biên phiên dịch 4	3	30	30	070283(b)
83	070444	Thực tập cuối khóa – Biên phiên dịch	6		360	070284(a)
		Tổng	20	135	510	

▪ **Chuyên ngành Anh văn thương mại: 20 tín chỉ**

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
84	070279	Anh văn kinh thương 1	3	30	30	070292(a) 070307(a)
85	070280	Anh văn kinh thương 2	3	30	30	070279(a)
86	070287	Dịch căn bản	2	15	30	070308(a) 070293(a)
87	070301	Kỹ năng tiếp thị	2	15	30	070308(a) 070293(a)
88	070320	Soạn thảo văn thư quốc tế	2	15	30	070308(a) 070293(a)
89	070309	Nghệ thuật quản lý	2	15	30	070308(a) 070293(a)
90	070445	Thực tập cuối khóa – Anh văn thương mại	6		360	070301(a)
		Tổng	20	120	540	

7.3. Khóa luận cuối khóa: 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
91	070297	Khóa luận tốt nghiệp – Ngôn ngữ Anh	7			
		Tổng	7			

Ghi chú:

TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN:

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070288	Đọc - viết 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070288	3	30	30	
2	070302	Luyện phát âm (Ngôn ngữ Anh)	0101070302	3	30	30	
3	070303	Nghe - nói 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070303	3	30	30	
4	070313	Ngữ pháp 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070313	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				14	165	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070289	Đọc - viết 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070289	3	30	30	070288(a)
3	070304	Nghe - nói 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070304	3	30	30	070303(a)
4	070314	Ngữ pháp 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070314	3	30	30	070313(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				12	105	150	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070290	Đọc - viết 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070290	3	30	30	070289(a)
3	070299	Kỹ năng học tiếng Anh	0101070299	2	15	30	
4	070305	Nghe - nói 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070305	3	30	30	070304(a)
5	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				10	90	120	
1	070291	Đọc - viết 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070291	3	30	30	070290(a)
2	070306	Nghe - nói 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070306	3	30	30	070305(a)
3	070310	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	0101070310	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070247	Tiếng Hàn 1	0101070247	3	30	30	
2	070323	Tiếng Nhật tổng hợp 1	0101070323	3	30	30	
3	070329	Tiếng Trung 1	0101070329	3	30	30	
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070018(a)
2	070292	Đọc - viết 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070292	3	30	30	070291(a)
3	070296	Hình thái học - cú pháp học	0101070296	2	15	30	070314(a)
4	070307	Nghe - nói 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070307	3	30	30	070306(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070248	Tiếng Hàn 2	0101070248	3	30	30	070247(a)
2	070324	Tiếng Nhật tổng hợp 2	0101070324	3	30	30	070323(a)
3	070330	Tiếng Trung 2	0101070330	3	30	30	070329(a)

Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				7	90	30	
1	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101070001	2	30	0	
2	070021	Tiếng Việt thực hành	0101070021	2	30	0	
3	070308	Nghe - nói 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070308	3	30	30	070307(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070249	Tiếng Hàn 3	0101070249	3	30	30	070248(a)
2	070274	Anh ngữ du lịch	0101070274	2	15	30	070307(a) 070292(a)
3	070275	Anh ngữ kinh doanh	0101070275	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070315	Phân tích điển ngôn	0101070315	2	15	30	070307(a) 070292(a)
5	070325	Tiếng Nhật tổng hợp 3	0101070325	3	30	30	070324(a)
6	070331	Tiếng Trung 3	0101070331	3	30	30	070330(a)
7	070336	Văn hóa công ty	0101070336	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				8	75	90	
1	070293	Đọc - viết 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070293	3	30	30	070292(a)
2	070312	Ngữ nghĩa học	0101070312	2	15	30	070296(a)
3	070316	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	0101070316	3	30	30	070307(a) 070292(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070250	Tiếng Hàn 4	0101070250	3	30	30	070249(a)
2	070311	Ngữ âm học	0101070311	2	15	30	070302(a)
3	070277	Anh ngữ văn phòng 1	0101070277	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070326	Tiếng Nhật tổng hợp 4	0101070326	3	30	30	070325(a)
5	070332	Tiếng Trung 4	0101070332	3	30	30	070331(a)
6	070335	Văn hóa Anh	0101070335	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070338	Văn học Anh	0101070338	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				8	90	60	
1	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	0101070286	2	30	0	070021(a)
2	070317	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	0101070317	3	30	30	070316(b)
3	070340	Viết nâng cao (ngôn ngữ Anh)	0101070340	3	30	30	070293(b)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070251	Tiếng Hàn 5	0101070251	3	30	30	070250(a)
2	070273	Anh ngữ báo chí	0101070273	2	15	30	070307(a) 070292(a)
3	070335	Văn hóa Anh	0101070335	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070278	Anh ngữ văn phòng 2	0101070278	2	15	30	070277(a)
5	070285	Cách viết khóa luận tốt nghiệp	0101070285	2	15	30	070307(a) 070292(a)

6	070295	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy	0101070295	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070298	Kỹ năng bán hàng	0101070298	2	15	30	070307(a) 070292(a)
8	070327	Tiếng Nhật tổng hợp 5	0101070327	3	30	30	070326(a)
9	070333	Tiếng Trung 5	0101070333	3	30	30	070332(a)
Học kỳ 9							
Học phần bắt buộc				12	150	60	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	0101070006	2	30	0	
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070294	Giáo dục học	0101070294	2	15	30	
4	070321	Tâm lý học	0101070321	2	30	0	
5	070337	Văn hóa Mỹ	0101070337	2	15	30	070308(a) 070340(a)
6	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070252	Tiếng Hàn 6	0101070252	3	30	30	070251(a)
2	070328	Tiếng Nhật tổng hợp 6	0101070328	3	30	30	070327(b)
3	070334	Tiếng Trung 6	0101070334	3	30	30	070333(b)
Học kỳ 10							
Học phần bắt buộc				14	150	120	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0101070007	2	30	0	070006(a)
2	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0101070012	3	45	0	
3	070300	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	0101070300	2	15	30	070308(a) 070340(a)
4	070318	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3	0101070318	3	30	30	070317(b)
5	070319	Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập	0101070319	2	15	30	070308(a) 070340(a)
6	070339	Văn học Mỹ	0101070339	2	15	30	070308(a) 070340(a)
Học kỳ 11							
Học phần bắt buộc				13	0	360	
1	070322	Thực tập cuối khóa – PP giảng dạy	0101070445	6	0	360	070317(a) 070319(a)
2	070297	Khóa luận tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh	0101070297	7	0	0	

8.2. Chuyên ngành Biên phiên dịch

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070288	Đọc - viết 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070288	3	30	30	
2	070302	Luyện phát âm (Ngôn ngữ Anh)	0101070302	3	30	30	

3	070303	Nghe - nói 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070303	3	30	30	
4	070313	Ngữ pháp 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070313	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				14	165	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070289	Đọc - viết 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070289	3	30	30	070288(a)
3	070304	Nghe - nói 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070304	3	30	30	070303(a)
4	070314	Ngữ pháp 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070314	3	30	30	070313(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				12	105	150	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070290	Đọc - viết 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070290	3	30	30	070289(a)
3	070299	Kỹ năng học tiếng Anh	0101070299	2	15	30	
4	070305	Nghe - nói 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070305	3	30	30	070304(a)
5	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				10	90	120	
1	070291	Đọc - viết 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070291	3	30	30	070290(a)
2	070306	Nghe - nói 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070306	3	30	30	070305(a)
3	070310	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	0101070310	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070247	Tiếng Hàn 1	0101070247	3	30	30	
2	070323	Tiếng Nhật tổng hợp 1	0101070323	3	30	30	
3	070329	Tiếng Trung 1	0101070329	3	30	30	
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070018(a)
2	070292	Đọc - viết 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070292	3	30	30	070291(a)
3	070296	Hình thái học - cú pháp học	0101070296	2	15	30	070314(a)
4	070307	Nghe - nói 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070307	3	30	30	070306(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070248	Tiếng Hàn 2	0101070248	3	30	30	070247(a)
2	070324	Tiếng Nhật tổng hợp 2	0101070324	3	30	30	070323(a)
3	070330	Tiếng Trung 2	0101070330	3	30	30	070329(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				7	90	30	
1	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101070001	2	30	0	
2	070021	Tiếng Việt thực hành	0101070021	2	30	0	
3	070308	Nghe - nói 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070308	3	30	30	070307(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070249	Tiếng Hàn 3	0101070249	3	30	30	070248(a)
2	070274	Anh ngữ du lịch	0101070274	2	15	30	070307(a)

							070292(a)
3	070275	Anh ngữ kinh doanh	0101070275	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070277	Anh ngữ văn phòng 1	0101070277	2	15	30	070307(a) 070292(a)
5	070325	Tiếng Nhật tổng hợp 3	0101070325	3	30	30	070324(a)
6	070331	Tiếng Trung 3	0101070331	3	30	30	070330(a)
7	070336	Văn hóa công ty	0101070336	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				10	90	120	
1	070281	Biên phiên dịch 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070281	3	30	30	070307(a) 070292(a)
2	070287	Dịch căn bản	0101070287	2	15	30	070308(a) 070293(a)
3	070293	Đọc - viết 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070293	3	30	30	070292(a)
4	070312	Ngữ nghĩa học	0101070312	2	15	30	070296(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070250	Tiếng Hàn 4	0101070250	3	30	30	070249(a)
2	070311	Ngữ âm học	0101070311	2	15	30	070302(a)
3	070273	Anh ngữ báo chí	0101070273	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070326	Tiếng Nhật tổng hợp 4	0101070326	3	30	30	070325(a)
5	070332	Tiếng Trung 4	0101070332	3	30	30	070331(a)
6	070335	Văn hóa Anh	0101070335	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070338	Văn học Anh	0101070338	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				8	90	60	
1	070282	Biên phiên dịch 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070282	3	30	30	070281(b)
2	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	0101070286	2	30	0	070021(a)
3	070340	Viết nâng cao (ngôn ngữ Anh)	0101070340	3	30	30	070293(b)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070251	Tiếng Hàn 5	0101070251	3	30	30	070250(a)
2	070315	Phân tích diễn ngôn	0101070315	2	15	30	070307(a) 070292(a)
3	070276	Anh ngữ nhà hàng - khách sạn	0101070276	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070278	Anh ngữ văn phòng 2	0101070278	2	15	30	070277(a)
5	070285	Cách viết khóa luận tốt nghiệp	0101070285	2	15	30	070307(a) 070292(a)
6	070295	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy	0101070295	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070298	Kỹ năng bán hàng	0101070298	2	15	30	070307(a) 070292(a)
8	070327	Tiếng Nhật tổng hợp 5	0101070327	3	30	30	070326(a)
9	070333	Tiếng Trung 5	0101070333	3	30	30	070332(a)
Học kỳ 9							

Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	0101070006	2	30	0	
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070283	Biên phiên dịch 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070283	3	30	30	070282(b)
4	070337	Văn hóa Mỹ	0101070337	2	15	30	070308(a) 070340(a)
5	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070252	Tiếng Hàn 6	0101070252	3	30	30	070251(a)
2	070328	Tiếng Nhật tổng hợp 6	0101070328	3	30	30	070327(b)
3	070334	Tiếng Trung 6	0101070334	3	30	30	070333(b)
Học kỳ 10							
Học phần bắt buộc				12	135	90	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0101070007	2	30	0	070006(a)
2	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0101070012	3	45	0	
3	070284	Biên phiên dịch 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070284	3	30	30	070283(b)
4	070300	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	0101070300	2	15	30	070308(a) 070340(a)
5	070339	Văn học Mỹ	0101070339	2	15	30	070308(a) 070340(a)
Học kỳ 11							
Học phần bắt buộc				13	0	360	
1	070444	Thực tập cuối khóa – Biên phiên dịch	0101070445	6	0	360	070284(a)
2	070297	Khóa luận tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh	0101070297	7	0	0	

8.3 Chuyên ngành Anh văn thương mại:

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				12	120	120	
1	070288	Đọc - viết 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070288	3	30	30	
2	070302	Luyện phát âm (Ngôn ngữ Anh)	0101070302	3	30	30	
3	070303	Nghe - nói 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070303	3	30	30	
4	070313	Ngữ pháp 1 (Ngôn ngữ Anh)	0101070313	3	30	30	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				14	165	90	
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
2	070289	Đọc - viết 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070289	3	30	30	070288(a)
3	070304	Nghe - nói 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070304	3	30	30	070303(a)
4	070314	Ngữ pháp 2 (Ngôn ngữ Anh)	0101070314	3	30	30	070313(a)

Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				12	105	150	
1	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
2	070290	Đọc - viết 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070290	3	30	30	070289(a)
3	070299	Kỹ năng học tiếng Anh	0101070299	2	15	30	
4	070305	Nghe - nói 3 (Ngôn ngữ Anh)	0101070305	3	30	30	070304(a)
5	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				10	90	120	
1	070291	Đọc - viết 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070291	3	30	30	070290(a)
2	070306	Nghe - nói 4 (Ngôn ngữ Anh)	0101070306	3	30	30	070305(a)
3	070310	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	0101070310	2	30	0	
4	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070247	Tiếng Hàn 1	0101070247	3	30	30	
2	070323	Tiếng Nhật tổng hợp 1	0101070323	3	30	30	
3	070329	Tiếng Trung 1	0101070329	3	30	30	
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				11	120	90	
1	070002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070018(a)
2	070292	Đọc - viết 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070292	3	30	30	070291(a)
3	070296	Hình thái học - cú pháp học	0101070296	2	15	30	070314(a)
4	070307	Nghe - nói 5 (Ngôn ngữ Anh)	0101070307	3	30	30	070306(a)
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070248	Tiếng Hàn 2	0101070248	3	30	30	070247(a)
2	070324	Tiếng Nhật tổng hợp 2	0101070324	3	30	30	070323(a)
3	070330	Tiếng Trung 2	0101070330	3	30	30	070329(a)
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				7	90	30	
1	070001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0101070001	2	30	0	
2	070021	Tiếng Việt thực hành	0101070021	2	30	0	
3	070308	Nghe - nói 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070308	3	30	30	070307(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070249	Tiếng Hàn 3	0101070249	3	30	30	070248(a)
2	070274	Anh ngữ du lịch	0101070274	2	15	30	070307(a) 070292(a)
3	070275	Anh ngữ kinh doanh	0101070275	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070277	Anh ngữ văn phòng 1	0101070277	2	15	30	070307(a) 070292(a)
5	070325	Tiếng Nhật tổng hợp 3	0101070325	3	30	30	070324(a)
6	070331	Tiếng Trung 3	0101070331	3	30	30	070330(a)
7	070336	Văn hóa công ty	0101070336	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 7							

Học phần bắt buộc				8	75	90	
1	070279	Anh văn kinh thương 1	0101070279	3	30	30	070307(a) 070292(a)
2	070293	Độc - viết 6 (Ngôn ngữ Anh)	0101070293	3	30	30	070292(a)
3	070312	Ngữ nghĩa học	0101070312	2	15	30	070296(a)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070250	Tiếng Hàn 4	0101070250	3	30	30	070249(a)
2	070278	Anh ngữ văn phòng 2	0101070278	2	15	30	070277(a)
3	070315	Phân tích diễn ngôn	0101070315	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070326	Tiếng Nhật tổng hợp 4	0101070326	3	30	30	070325(a)
5	070332	Tiếng Trung 4	0101070332	3	30	30	070331(a)
6	070335	Văn hóa Anh	0101070335	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070338	Văn học Anh	0101070338	2	15	30	070307(a) 070292(a)
Học kỳ 8							
Học phần bắt buộc				10	105	90	
1	070280	Anh văn kinh thương 2	0101070280	3	30	30	070307(a) 070292(a)
2	070286	Dẫn luận ngôn ngữ	0101070286	2	30	0	
3	070287	Dịch căn bản	0101070287	2	15	30	070308(a) 070293(a)
4	070340	Viết nâng cao (ngôn ngữ Anh)	0101070340	3	30	30	070293(b)
Học phần tự chọn				5	45	60	
1	070251	Tiếng Hàn 5	0101070251	3	30	30	070250(a)
2	070273	Anh ngữ báo chí	0101070273	2	15	30	070307(a) 070292(a)
3	070276	Anh ngữ nhà hàng - khách sạn	0101070276	2	15	30	070307(a) 070292(a)
4	070311	Ngữ âm học	0101070311	2	15	30	070302(a)
5	070285	Cách viết khóa luận tốt nghiệp	0101070285	2	15	30	070307(a) 070292(a)
6	070295	Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy	0101070295	2	15	30	070307(a) 070292(a)
7	070298	Kỹ năng bán hàng	0101070298	2	15	30	070307(a) 070292(a)
8	070327	Tiếng Nhật tổng hợp 5	0101070327	3	30	30	070326(a)
9	070333	Tiếng Trung 5	0101070333	3	30	30	070332(a)
Học kỳ 9							
Học phần bắt buộc				10	120	60	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp 1	0101070006	2	30	0	
2	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
3	070320	Soạn thảo văn thư quốc tế	0101070320	2	15	30	070308(a) 070293(a)
4	070337	Văn hóa Mỹ	0101070337	2	15	30	070308(a) 070340(a)
5	070354	Quản trị học	0101070354	2	30	0	
Học phần tự chọn				3	30	30	
1	070252	Tiếng Hàn 6	0101070252	3	30	30	070251(a)

2	070328	Tiếng Nhật tổng hợp 6	0101070328	3	30	30	070327(b)
3	070334	Tiếng Trung 6	0101070334	3	30	30	070333(b)
Học kỳ 10							
Học phần bắt buộc				13	135	120	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp 2	0101070007	2	30	0	070006(a)
2	070012	Phương pháp nghiên cứu khoa học	0101070012	3	45	0	
3	070300	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	0101070300	2	15	30	070308(a) 070340(a)
4	070301	Kỹ năng tiếp thị	0101070301	2	15	30	070308(a) 070293(a)
5	070309	Nghệ thuật quản lý	0101070309	2	15	30	070308(a) 070293(a)
6	070339	Văn học Mỹ	0101070339	2	15	30	070308(a) 070340(a)
Học kỳ 11							
Học phần bắt buộc				13	0	360	
1	070445	Thực tập cuối khóa – Anh văn thương mại	0101070445	6	0	360	070301(a)
2	070297	Khóa luận tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh	0101070297	7	0	0	

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

10. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

070010 Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 19/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 8/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SDH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

070018 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 47/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 22/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SDH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

070018 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý chủ nghĩa Mác-Lênin)

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 35/2003/QĐ-BGD&ĐT, ngày 31/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức và phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển

quá trình dạy thành quá trình tự học sinh viên, ứng dụng các phương tiện hỗ trợ và công nghệ thông tin như Quyết định số 11381/BGDĐT-ĐH&SDH về việc hướng dẫn giảng dạy các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

070011 Pháp luật đại cương: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh; quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh; các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

070006 Kỹ năng giao tiếp 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề khái quát trong giao tiếp kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh, cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh, cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn trong kinh doanh.

070007 Kỹ năng giao tiếp 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (kỹ năng giao tiếp 1)

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào kỹ năng viết. Cụ thể, sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc viết E-mail, Memo, Thông báo, Báo cáo Khoa học, các loại văn bản kinh doanh gửi cho khách. Sinh viên cũng sẽ được chuẩn bị các kỹ năng viết hồ sơ xin việc và phỏng vấn xin việc làm. Trong khi học các kỹ năng viết e-mail, viết báo cáo, sinh viên sẽ được giao những bài tập làm trong nhóm (tại lớp hay tại nhà), từ đó sẽ hiểu cách làm việc nhóm hiệu quả nhất cũng như cách giao tiếp tốt nhất trong nhóm.

070405 Tin học văn phòng 1: 2(0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng căn bản về máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp. Học phần cung cấp các kiến thức căn bản về máy tính hệ điều hành, lưu trữ dữ liệu, chương trình, tổ chức tập tin, phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi, mạng máy tính, virus, bảng mã Tiếng Việt, phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bản tính.

070406 Tin học văn phòng 2: 2(0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

070023 Giáo dục thể chất: 90 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070022 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

070353 Quản trị học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

070001 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên lý luận về văn hóa học đại cương, các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hóa, không gian, thời gian văn hóa, người học hiểu được bản sắc văn hóa Việt Nam. Môn học này góp phần tạo cho sinh viên một bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa của ngoại ngữ được học.

070021 Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Củng cố và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Môn học này cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

070286 Dẫn luận ngôn ngữ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Việt thực hành)

Nội dung: Nội dung học phần bao gồm những vấn đề chung về ngôn ngữ, ngôn ngữ học xã hội, ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp, ngôn ngữ học so sánh...

070310 Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, nhằm giúp cho người học biết được vị trí của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ học hiện đại, người học sẽ hiểu rõ hơn sự hình thành và phát triển của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. Học phần cũng cung cấp cho người học biết nhiệm vụ và mục đích của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, cung cấp thêm một số khái niệm cơ bản có liên quan đến việc nghiên cứu so sánh đối chiếu các ngôn ngữ và đồng thời học phần cũng chỉ ra những bình diện nghiên cứu so sánh đối chiếu cơ bản của ngôn ngữ.

070012 Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho người học những khái niệm nghiên cứu khoa học; các đặc điểm phân loại nghiên cứu khoa học; một số đặc điểm đặc trưng của nghiên cứu khoa học; cấu trúc logic của khảo luận khoa học; trình tự logic của nghiên cứu khoa học dựa trên ba phương pháp: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp suy luận; phương pháp thử nghiệm.

070329 Tiếng Trung 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Từ bài 1 đến bài 10 của học phần này đặt nặng trọng tâm giảng dạy ngữ âm và chữ viết là chính, từ bài 11 đến bài 15 chú trọng dạy mẫu câu cơ bản, qua đó bồi dưỡng năng lực nghe, nói, đọc, viết cũng như kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ cho sinh viên.

070330 Tiếng Trung 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 1)

Nội dung: Học phần này Bao gồm 15 bài (từ bài 16 – bài 30) của cuốn hạ tập 1 của giáo trình “□ □ 教程”, nối tiếp Tiếng Trung tổng hợp 1, kết cấu bài giống như Tiếng Trung tổng hợp 1, điểm khác nhau là bổ sung thêm bài đọc hiểu ở phần bài tập, các hiện tượng ngữ pháp xuất hiện lần lượt từ dễ đến khó. Ngoài ra, có một số kiến thức văn hóa được giới thiệu trong phần chú giải.

070331 Tiếng Trung 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 2)

Nội dung: Học phần này gồm 10 bài của quyển thượng tập 2 giáo trình 《□ □ 教程》, kết cấu mỗi bài bao gồm : bài khóa, từ vựng, chú thích, ngữ pháp, bài tập như Tiếng Trung Tổng hợp 2, bài khóa cũng là những bài đàm thoại thực dụng, kèm theo 1 số đoạn văn ngắn mang tính tường thuật đề cập đến các vấn đề nhất quán với bài khóa nhưng độc lập về mặt nội dung. Nội hàm văn hóa của các bài phần này sâu hơn, các bài luyện nói cũng tăng độ dài và độ khó.

070332 Tiếng Trung 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 3)

Nội dung: Học phần này gồm 10 bài của quyển hạ tập 2 giáo trình 《□ □ 教程》, kết cấu mỗi bài bao gồm : bài khóa, từ vựng, chú thích, ngữ pháp, bài tập như Tiếng Trung Tổng hợp 3, ở học phần này bài khóa dài hơn, phần ngữ pháp cũng phức tạp hơn, bài tập gồm các dạng ngữ âm, từ ngữ, chọn từ điền vào ô trống, mô phỏng đặt câu, biểu đạt theo tình huống.

070333 Tiếng Trung 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Trung 4)

Nội dung: Bao gồm 13 bài của cuốn thượng tập 3 giáo trình 《□ □ 教程》, cấu tạo bao gồm : bài khóa, phần từ vựng, phần chú thích, phần so sánh và phân biệt cách sử dụng từ vựng, phần bài tập tổng hợp.

Bài khóa: thể loại văn tường thuật với nhiều chủ điểm khác nhau, phần lớn phản ánh tư tưởng và cuộc sống của người Trung Quốc hiện đại

Phần chú thích: chủ yếu tập trung giải quyết các hiện tượng lịch sử, văn hóa, không thể dựa vào ngữ cảnh để phán đoán hoặc khó tra cứu.

Phần ngữ pháp: tập trung vào so sánh và phân biệt cách sử dụng từ vựng kết hợp phần sửa câu sai và cấu trúc văn phạm; chú ý tới những hiện tượng ngôn ngữ khó đối với người Việt Nam học tiếng Trung Quốc.

070334 Tiếng Trung 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Trung 5)

Nội dung: Bao gồm 13 bài, từ bài 14 đến bài 26 của tập 3 (quyển hạ) giáo trình 《 教程 》, cấu tạo bài gồm: bài khóa, phần từ vựng, phần chú thích, phần so sánh và phân biệt cách sử dụng từ vựng, phần bài tập tổng hợp.

Bài khóa: gồm các bài khóa thể loại văn tường thuật với nhiều chủ điểm khác nhau, phần lớn phản ánh tư tưởng và cuộc sống của người Trung Quốc hiện đại

Phần chú thích: chủ yếu tập trung giải quyết các hiện tượng lịch sử, văn hóa, không thể dựa vào ngữ cảnh để phán đoán hoặc khó tra cứu.

Phần ngữ pháp: tập trung vào so sánh và phân biệt cách sử dụng từ vựng kết hợp phần sửa câu sai và cấu trúc văn phạm; chú ý tới những hiện tượng ngôn ngữ khó đối với người Việt Nam học tiếng Trung Quốc.

070323 Tiếng Nhật tổng hợp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Dạy cách đọc-viết chữ Kana, giúp sinh viên nắm chắc 4 loại ký tự dùng trong tiếng Nhật: chữ Hán, chữ Katakana, chữ Hiragana, chữ Romaji.

Dạy các cấu trúc ngữ pháp cơ sở, cung cấp vốn từ vựng cơ sở.

Rèn luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 1.

070324 Tiếng Nhật tổng hợp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Nhật tổng hợp 1)

Nội dung: Dạy các mẫu ngữ pháp: cho - nhận, nguyên nhân - kết quả, so sánh, mục đích, yêu cầu, xin phép...

Dạy phân biệt các loại câu danh từ, câu động từ, câu tính từ; cách chia thì, thể của động từ, danh từ, tính từ.

Luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 2

070325 Tiếng Nhật tổng hợp 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Nhật tổng hợp 2)

Nội dung: Dạy các mẫu ngữ pháp: trách nhiệm, nghĩa vụ, liệt kê hành động, câu điều kiện, ...

Dạy cách chia thể Nai, thể từ điển, thể thông thường của động từ, tính từ ...

Luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 3

070326 Tiếng Nhật tổng hợp 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Nhật tổng hợp 3)

Nội dung: Dạy phần kiến thức ngữ pháp sơ cấp gồm các mẫu câu nguyên nhân - kết quả, cho - nhận, các mẫu câu chỉ mục đích, phỏng đoán, sai khiến, xin phép - cho phép....

Dạy cách chia thể khả năng, thể thông thường của động từ, tính từ ...

Luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 4

070327 Tiếng Nhật tổng hợp 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Nhật tổng hợp 4)

Nội dung: Dạy phần kiến thức ngữ pháp sơ cấp gồm các mẫu câu nguyên nhân - kết quả, cho

– nhận, các mẫu câu chỉ mục đích, phỏng đoán, sai khiến, xin phép - cho phép....

Dạy cách chia thể khả năng, thể thông thường của động từ, tính từ ...

Luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 4

070328 Tiếng Nhật tổng hợp 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Nhật tổng hợp 5)

Nội dung: Dạy phần kiến thức ngữ pháp sơ cấp gồm các mẫu câu suy đoán, truyền tin, xin phép,

Dạy cách chia thể sai khiến

Luyện kỹ năng nghe nói và viết câu ở trình độ sơ cấp 6

070247 Tiếng Hàn 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp Tiếng Hàn ở mức độ sơ cấp đồng thời tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có thể dễ dàng tiến đến các mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, học phần này cũng tạo sự dễ dàng cho sinh viên trong việc rèn luyện các kỹ năng đọc và viết tiếng Hàn mức độ sơ cấp 1 gồm 5 bài (từ bài 1 đến bài 5) của sách Tiếng Hàn 1, sách Yonsei.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học trong giờ ngữ pháp để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070248 Tiếng Hàn 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 1)

Nội dung: Giúp sinh viên nắm vững ngữ pháp Tiếng Hàn ở mức độ sơ cấp đồng thời tạo nền tảng vững chắc để sinh viên có thể dễ dàng tiến đến các mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, học phần này cũng tạo sự dễ dàng cho sinh viên trong việc rèn luyện các kỹ năng đọc và viết tiếng Hàn mức độ sơ cấp.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học trong giờ ngữ pháp để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070249 Tiếng Hàn 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 2)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên ngữ pháp tiêu chuẩn của tiếng Hàn. Sinh viên có thể vận dụng ngữ pháp đã học để giao tiếp với người Hàn Quốc ở mức độ thông thường. Sau học phần này, khi giao tiếp, sinh viên có thể tư duy bằng tiếng Hàn mà không cần dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn để nói.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học này để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070250 Tiếng Hàn 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 3)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên ngữ pháp tiêu chuẩn của tiếng Hàn. Sinh viên có thể vận dụng ngữ pháp đã học để giao tiếp với người Hàn Quốc ở mức độ thông thường. Sau học phần này, khi giao tiếp, sinh viên có thể tư duy bằng tiếng Hàn mà không cần dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hàn để nói.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học này để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070251 Tiếng Hàn 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Hàn 4)

Nội dung: Giúp sinh viên luyện từ vựng, nắm vững và vận dụng thuần thục những điểm ngữ pháp phức tạp ở mức độ trung cấp, đồng thời phân biệt được những điểm khác nhau khi sử dụng ngữ pháp vào văn nói và văn viết.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học này để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070252 Tiếng Hàn 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Tiếng Hàn 5)

Nội dung: Giúp sinh viên luyện từ vựng nhiều hơn, nắm vững và vận dụng thuần thục những điểm ngữ pháp phức tạp ở mức độ trung cấp, đồng thời phân biệt được những điểm khác nhau khi sử dụng ngữ pháp vào văn nói và văn viết.

Sau mỗi bài học ngữ pháp, sinh viên đã nắm được từ vựng và ngữ pháp, trong giờ nghe nói này sinh viên sẽ sử dụng lại ngay những kiến thức đã học này để luyện tập kỹ năng nghe và nói.

070303 Nghe Nói 1(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe cơ bản theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe để lấy ý chính và thông tin cụ thể, nghe mô tả người, lời khuyên, hướng dẫn, lời mời .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: Hỏi và đưa ra thông tin cá nhân, nói về ngày tháng, thói quen mua sắm, thực hành chào hỏi, mời mọc .v.v.

Kết thúc học phần sinh viên có thể nghe và giao tiếp ở trình độ sơ cấp.

070304 Nghe Nói 2(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Nghe –nói 1)

Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe số, chuyện kể, phỏng vấn xin việc, hướng dẫn, thông tin chuyến bay .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: phỏng vấn bạn học, đóng vai đàm thoại, khiếu nại lịch sự, gọi món ăn, mô tả hình ảnh .v.v.

Kết thúc học phần sinh viên có thể nghe và giao tiếp ở trình độ trên sơ cấp.

070305 Nghe Nói 3(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Nghe –nói 2)

Nội dung: Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe bài nói chuyện của nhà tư vấn, dự báo thời tiết, việc ăn uống có lợi cho sức khỏe, làm theo hướng dẫn .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: tự giới thiệu, để lại tin nhắn qua điện thoại, thảo luận kế hoạch kỳ nghỉ, diễn đạt điều thích và không thích, so sánh thói quen ăn uống khi ở nhà và đi du lịch, mô tả các địa điểm trong thành phố .v.v.

Kết thúc học phần sinh viên có thể nghe và giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp

070306 Nghe Nói 4(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Nghe –nói 3)

Nội dung: Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe lời hướng dẫn, lời khuyên của chuyên gia, báo cáo tin tức, các cuộc gọi về giải trí .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: so sánh phong tục, thảo luận về yêu cầu tuổi tác, cách ăn uống, hẹn gặp qua điện thoại .v.v. Kết thúc học phần sinh viên có thể nghe và giao tiếp ở trình độ tiền trung cấp.

070307 Nghe Nói 5(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Nghe –nói 4)

Nội dung: Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe để nhận ra phương hướng, suy đoán về quan hệ, ghi chú nguyên nhân và kết quả, .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: thực hành ngữ điệu trong câu hỏi, ngắt lời lịch sự, thảo luận các phong tục, xin lỗi và giảng hòa, nhờ giúp đỡ, so sánh cách sinh sống giữa các nước .v.v.

Kết thúc học phần sinh viên có thể nghe và giao tiếp ở trình độ trung cấp.

070308 Nghe Nói 6(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Nghe –nói 5)

Nội dung: Môn học giúp sinh viên từng bước phát triển các kỹ năng nghe theo nội dung của các bài đàm thoại và các hoạt động như: nghe và ghi chú các điểm giống và khác nhau, hiểu câu nói qua ngữ điệu, nhận ra ý nghĩa câu hỏi đuôi .v.v. Sinh viên phát triển kỹ năng nói qua các hoạt động: thực hành ngữ điệu trong câu hỏi, thảo luận về cách giữ liên lạc, điều thích và không thích, giải quyết một vấn đề khoa học, hỏi và trả lời câu hỏi đuôi v.v.

Kết thúc học phần, sinh viên có thể nghe hiểu nội dung chính của các bài hội thoại, bài nói và giao tiếp ở trình độ trung cấp

070288 Đọc - Viết 1(Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những đoạn

văn ngắn khoảng 100 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc và cách viết câu từ những đoạn văn.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu các cấu trúc thường gặp (rút ra từ bài đọc), bài tập thực hành chuyển đổi câu, và viết câu ngắn. Phần bài tập này nhằm giúp sinh viên có thể viết câu chắc hơn và hoàn thiện hơn, chuẩn bị bước vào viết những câu phức tạp hơn ở học phần tiếp theo.

070289 Đọc - Viết 2 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc – Viết 1)

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những đoạn văn ngắn khoảng 200 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc và cách viết câu từ những đoạn văn.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu các cấu trúc câu rút ra từ bài đọc, bài tập thực hành chuyển đổi câu, và viết những câu phức tạp hơn ứng dụng các cấu trúc đó. Phần bài tập này nhằm giúp sinh viên có thể viết câu chắc hơn và hoàn thiện hơn, chuẩn bị bước vào viết đoạn văn.

070290 Đọc - Viết 3 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc – Viết 2)

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những đoạn văn ngắn khoảng 300 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc, cách viết câu, cách lập luận ý tưởng từ các đoạn văn.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu các cấu trúc câu rút ra từ bài đọc, bài tập thực hành viết các đoạn văn ngắn, trong đó sử dụng các cấu trúc câu rút ra từ bài đọc. Ở cấp độ này, trọng tâm nằm ở phần sinh viên có thể viết được câu chủ đề (topic sentence), các ý phát triển từ câu chủ đề (supporting points), và các chi tiết cụ thể (supporting details)

070291 Đọc - Viết 4 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc – Viết 3)

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những đoạn văn phức tạp hơn khoảng 500 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc, cách viết câu, cách lập luận ý tưởng từ các đoạn văn.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu các cấu trúc câu rút ra từ bài đọc, bài tập thực hành viết các đoạn văn phức tạp hơn chứa đựng nhiều ý tưởng và tính chất mạch lạc (coherence).

070292 Đọc - Viết 5 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc – Viết 4)

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những bài tường thuật, những bài báo cáo (chủ đề cho trước) khoảng 250 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc, cách viết câu, cách lập luận ý tưởng từ các báo cáo.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu cách thức nhận dạng thông số trong biểu mẫu, biểu đồ. Tiếp theo là các bài tập thực hành viết các bản báo cáo, tường thuật khoảng 250 từ.

070293 Đọc - Viết 6 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc – Viết 5)

Nội dung: Học phần kết hợp hai kỹ năng đọc- viết nhằm phát huy tính bổ sung giữa hai kỹ năng theo phương pháp hỗ trợ (Integration). Sinh viên có thể đọc và hiểu được những bài luận mẫu đơn giản khoảng 250 từ cùng với việc rút kinh nghiệm về cách sử dụng từ ngữ, cấu trúc, cách viết câu, cách lập luận ý tưởng từ các bài luận.

Giáo trình sử dụng cho học phần được thiết kế theo mô hình đọc- viết. Do đó, sau các bài đọc là phần giới thiệu các cấu trúc trong bài đọc, các mẫu văn và bài tập thực hành viết các bài luận đơn giản một cách mạch lạc, chặt chẽ khoảng 250 từ.

070340 Viết nâng cao (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Đọc – Viết 6)

Nội dung:

- Học phần giúp sinh viên phát huy kỹ năng viết một cách hoàn chỉnh và theo định hướng học thuật: sinh viên có thể viết một bài luận gồm kết cấu nhiều đoạn văn (multiparagraph essay) với những ý tưởng hỗ trợ (supporting ideas), khoảng 800 từ.
- Học phần còn giúp sinh viên luyện kỹ năng viết thư thương mại (Business Letters) với những nội dung liên quan đến công việc trong công ty, giao tiếp khách hàng, giải quyết các tình huống trong giao dịch kinh doanh v.v.

Tài liệu được thiết kế phù hợp với 4 phần cơ bản; trong đó bao gồm việc giới thiệu các bài mẫu để từ đó sinh viên có thể rút ra được các kỹ năng thiết lập bài luận sao cho mạch lạc và chặt chẽ. Đồng thời, sinh viên có cơ hội nắm vững các điểm văn phạm thường dùng khi viết luận. Cuối cùng, sinh viên được làm quen với các bài thực hành viết dàn ý và từ các dàn ý đó là viết những bài luận hoàn chỉnh. Sinh viên thực hành viết thư thương mại theo những mẫu thư tín được thiết kế sẵn.

070313 Ngữ pháp 1 (Ngôn ngữ Anh): 3 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần nhằm ôn tập và hệ thống hóa cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp mà các em đã được học ở chương trình phổ thông như: cách sử dụng các thì tiếng Anh, mạo từ, giới từ, ... Đồng thời, sinh viên cũng được thực hành các vấn đề ngữ pháp thông qua bài tập dưới nhiều hình thức đa dạng nhằm giúp các em củng cố, sử dụng thành thạo ngữ pháp tiếng Anh, và hỗ trợ kỹ năng viết ở cấp độ cơ bản.

070314 Ngữ pháp 2 (Ngôn ngữ Anh): 3 (30, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (ngữ pháp 1)

Nội dung: Trên cơ sở sinh viên đã được củng cố kiến thức cơ bản ở học phần học trước (ngữ pháp 1), học phần này tiếp tục phát triển các đặc điểm ngữ pháp đó ở mức độ cao hơn, giúp sinh viên có thể sử dụng linh hoạt hơn vào các bài thực hành ngữ pháp và bài viết.

070299 Kỹ năng học tiếng Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần giới thiệu và cung cấp cho sinh viên những phương pháp học ngoại ngữ nói chung; cách mở rộng từ vựng, cách học văn phạm và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh nói riêng nhằm giúp sinh viên nắm bắt được các cách học tiếng Anh hiệu quả nhất. Từ đó, sinh viên có thể vạch ra lộ trình và chiến lược học tập, rèn luyện phù hợp với trình độ, khả năng và ý thích của mình.

070300 Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Hướng dẫn sinh viên các kỹ thuật chuẩn bị và thể hiện bài nói, bài thuyết trình trước công chúng. Môn học này cũng giúp sinh viên luyện tập khả năng tổ chức các cuộc tranh luận, thảo luận.

070302 Luyện phát âm tiếng Anh: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Gồm 2 phần: ngữ âm và luyện phát âm. Môn học cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống âm, âm vị, vai trò và quan hệ của âm vị trong ngôn ngữ, dấu ấn, ngữ điệu....

Ngoài ra môn học còn cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách phát âm của tiếng Anh, cách nhấn giọng và ngữ điệu nhằm giúp sinh viên có thể:

- Nghe và phát âm đúng các từ mới
- Hệ thống hoá và luyện tập phát âm chuẩn xác các yếu tố đoạn tính (phụ âm và nguyên âm)
- Nhận thấy sự khác biệt giữa âm tiếng Anh và tiếng Việt.

Từ đó, sinh viên tự ý thức sửa lỗi khi phát âm sai hoặc tự phát âm từ mới bằng cách sử dụng từ điển có phiên âm quốc tế. Như thế, sinh viên tự tin hơn khi học các môn có liên quan như: Nghe, nói

070296 Hình thái học –Cú pháp học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (ngữ pháp 2)

Nội dung :

Cú pháp: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cú pháp học như : khái niệm cơ bản về cụm từ, câu, các thành tố của cụm và câu; các loại mệnh đề; các cách nhìn truyền thống và hiện đại về Cú pháp học,...

Hình vị: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái học; giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết về bộ môn vào việc giảng dạy, dịch thuật, và nghiên cứu sau này.

070312 Ngữ nghĩa học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình thái học – cú pháp học)

Nội dung :

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ nghĩa học, bao gồm các khái niệm cơ bản, các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng âm, các quan hệ về ý, quan niệm về mệnh đề và cú pháp logic, ý nghĩa của câu và của phát ngôn. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng và phương pháp nghiên cứu đối với một số vấn đề về Ngữ nghĩa học. khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của Ngữ nghĩa học.

070337 Văn hóa Mỹ: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Cung cấp kiến thức tổng quát về việc hình thành và phát triển một đất nước và dân tộc dưới tên Hiệp Chúng Quốc. Các bài đọc khắc họa đặc điểm hình thành nên con người và văn hóa Mỹ.

070339 Văn học Mỹ: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Giới thiệu lịch sử văn học Mỹ từ thời thuộc địa đến các tác giả đương đại. Nhấn mạnh vào khả năng diễn dịch và phê bình các tác phẩm văn học từ thời kỳ lãng mạn đến thời kỳ hiện thực, gồm các thể loại: thơ, truyện ngắn và các trích đoạn tiểu thuyết qua các chủ đề văn học.

070274 Anh ngữ du lịch: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Môn học này không chỉ cung cấp các thuật ngữ về du lịch mà còn giới thiệu những khái niệm, kiến thức về ngành du lịch. Khóa học bao gồm những nội dung giới thiệu tổng quan về các loại nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch, cách đón tiếp và chăm sóc du khách, cách giao tiếp tại công ty hoặc văn phòng du lịch, các loại hình du lịch phổ biến, các hoạt động được du khách quan tâm, ... Tất cả những nội dung này được thiết kế dưới hình thức các bài đàm thoại nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của sinh viên chuyên ngành.

070275 Anh ngữ kinh doanh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc -Viết 6)

Nội dung: Cung cấp kiến thức tổng quan về kinh thương, nhằm giúp sinh viên định hướng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh. Nắm vững kiến thức về những khái niệm cơ bản trong kinh tế thương mại hoặc trong những lĩnh vực có liên quan đến quản trị, sản xuất, tiếp thị, tài chính và kinh tế vĩ mô. Giới thiệu phần ngôn ngữ và khái niệm về kinh thương trích từ những bài báo trên các tạp chí, tài liệu, trang Web có liên quan để tạo cho sinh viên mọi cơ hội diễn đạt những khái niệm kinh thương khi tóm tắt, phân tích, phê bình và thảo luận các đề tài có liên quan.

070277 Anh ngữ văn phòng 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -Nói 6, Đọc- Viết 6)

Nội dung: Môn học nhằm cung cấp tiếng Anh chuyên ngành và trang bị kiến thức cơ bản trong nghiệp vụ thư ký văn phòng. Trọng tâm môn học hướng tới việc cung cấp kiến thức nhằm nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ nghe – nói – đọc – viết thông qua những tình huống giống thực tế. Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị nghiệp vụ thư ký như: soạn thảo các loại thư tín thương mại, cách giao tiếp trong văn phòng, cách tiếp chuyện qua điện thoại, ...

070278 Anh ngữ văn phòng 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh ngữ văn phòng 1)

Nội dung: Trên cơ sở sinh viên đã học học phần Anh ngữ văn phòng 1, môn học này tiếp tục cung cấp tiếng Anh chuyên ngành và trang bị kiến thức nâng cao hơn trong nghiệp vụ thư ký văn phòng để hỗ trợ sinh viên chuyên ngành tiếng Anh (đặc biệt là sinh viên chuyên ngành biên- phiên dịch) vững vàng hơn, tự tin hơn khi ứng cử vào các vị trí nhân viên văn phòng.

070336 Văn hóa công ty: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc -Viết 6)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm, kiến thức và kỹ năng mềm cần thiết liên quan đến công việc văn phòng ở công ty nhằm trang bị cho sinh viên những nghệ thuật làm việc ở công ty làm hành trang bước vào sự nghiệp của một nhân viên thành đạt.

070315 Phân tích diễn ngôn: 2(15;30;45)

Điều kiện tiên quyết : học phần học trước (Nghe – nói 6 ; Đọc – viết 6)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Phân tích diễn ngôn với các mảng như hành động lời nói, dụng học và hội thoại, phân tích hội thoại, liên kết trong văn bản v.v. Đồng thời, học phần này giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết về bộ môn vào việc giảng dạy, dịch thuật và nghiên cứu sau này.

070311 Ngữ âm học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Luyện phát âm)

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ âm học –Âm vị học như: âm tiếng Anh ; nguyên âm ; âm đôi ; âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh ; trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu, ...

Học phần giúp sinh viên ứng dụng những hiểu biết về bộ môn vào việc giảng dạy, dịch thuật và nghiên cứu tiếng Anh sau này.

070285 Cách viết khóa luận tốt nghiệp: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- Nói 6, Đọc –Viết 6)

Nội dung: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học và hình thành, rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng để thực hiện một đề án nghiên cứu độc lập thông qua nhiệm vụ viết một đề cương nghiên cứu cụ thể trong quá trình học tập và sau khi hoàn tất khóa học.

070295 Giao tiếp liên văn hóa trong giảng dạy: 2 (15;30;45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Đọc- Viết 6)

Nội dung: Học phần nhằm nâng cao sự hiểu biết của sinh viên về văn hóa, sự khác biệt về văn hóa và những ảnh hưởng của nó đối với giao tiếp, giúp cho sinh viên giao tiếp có hiệu quả với người nói tiếng Anh từ các nền văn hóa khác nhau; đồng thời áp dụng tích cực vào việc giảng dạy cho các đối tượng học sinh khác nhau.

070335 Văn hóa Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Cung cấp kiến thức chung về lịch sử, đất nước, con người Anh và những cơ chế xã hội để tạo nên nét đặc thù nhằm phát họa những đặc điểm của nền văn minh Anh quốc. Tạo cho sinh viên thói quen tìm tài liệu, tư duy độc lập, phán đoán và trình bày về văn hoá Anh. Giúp sinh viên phát triển và nâng cao phương pháp phân tích, giải thích những đặc điểm văn hóa Anh và qua đó sinh viên sẽ có động cơ và kiến thức để đối chiếu với xã hội Việt Nam.

070338 Văn học Anh: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Cung cấp kiến thức lịch sử văn học Anh qua các thời đại và trào lưu văn hoá. Ứng dụng kỹ năng phê bình văn học qua các tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ và các tác giả điển hình với các thể loại văn học như: các bài ballad, truyện, thơ, truyện ngắn, và các trích dẫn tiểu thuyết và bi kịch.

070273 Anh ngữ báo chí: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Đọc-Viết 6)

Nội dung: Trang bị thuật ngữ báo chí liên quan đến các lĩnh vực trong cuộc sống nhằm giúp sinh viên có thể đảm trách việc biên- phiên dịch các loại báo khác nhau từ Việt sang Anh và ngược lại.

070298 Anh ngữ nhà hàng - khách sạn: 2 (9, 36, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Đọc-Viết 6)

Nội dung: Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức về lĩnh vực nhà hàng và khách sạn để sinh viên có thể đảm trách việc biên-phiên dịch các văn bản, báo cáo, tài liệu, ... chứa đựng các thông tin liên quan đến công nghệ này. Ngoài ra, tài liệu sử dụng cho học phần này bao gồm những bài học chứa đựng nhiều tình huống khác nhau liên quan đến công việc của thư ký, trợ lý, nhân viên thuộc ngành. Do đó, sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể tự tin ứng cử vào các vị trí biên dịch viên, phiên dịch viên, hoặc nhân viên văn phòng thuộc lĩnh vực nhà hàng –khách sạn.

070298 Kỹ năng bán hàng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Đọc-Viết 6)

Nội dung: Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của kỹ thuật bán hàng và trang bị cho các em những kỹ năng bán hàng hiệu quả. Kỹ năng chủ yếu bao gồm cách thuyết phục khách hàng tiềm năng, nhận biết nhu cầu khách hàng, chuẩn bị hội thảo, kế hoạch thương lượng, cách chăm sóc khách hàng, ... Ngoài ra, sinh viên còn có cơ hội tham gia các nhóm bán hàng chuyên nghiệp trong và ngoài nước.

070316 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe -nói 6, Đọc-Viết 6)

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết giảng dạy tiếng Anh bao gồm các quan điểm và phương pháp giảng dạy từ truyền thống đến hiện đại. Qua đó, sinh viên có nhận thức về ưu khuyết điểm của các phương pháp và biết cách lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp.

070317 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1)

Nội dung: Trên nền tảng lý thuyết đã học ở môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1, sinh viên học các phương pháp giảng dạy kỹ năng cụ thể và biết cách soạn giáo án thực hành theo các phương pháp đã học và giảng tập thử trên lớp.

070318 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2)

Nội dung: Học phần chú trọng kỹ năng thực hành giảng dạy cho từng sinh viên. Ngoài việc biết cách soạn giáo án chi tiết để giảng dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp.v.v.,

sinh viên tiến hành giảng dạy trong lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Qua đó, sinh viên biết cách quản lý lớp và xử lý các tình huống phát sinh khi đứng lớp.

070319 Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 6, Viết nâng cao)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên một hệ thống lý luận chung và cách nhìn nhận thực tế về bản chất của kiểm tra là gì và cách tiến hành kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy, các hình thức kiểm tra cùng những ưu điểm và hạn chế của mỗi loại hình kiểm tra, từ đó sinh viên được trang bị các kỹ thuật kiểm tra cho từng kỹ năng học tiếng như nghe, nói, đọc, viết một cách cụ thể.

070321 Tâm lý học: 2 (30, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Là học phần mô tả các hiện tượng tâm lý. Ngoài ra, học phần cũng trình bày những quy luật, cơ chế nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người.

070294 Giáo dục học: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung:

Học phần Giáo dục học bao gồm khối kiến thức chủ yếu về những vấn đề chung của Giáo dục học. Học phần cung cấp cho sinh viên:

Hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về giáo dục, Giáo dục học.

Hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức hoạt động dạy học ở trường học, làm cơ sở khoa học để tổ chức, nghiên cứu, ứng dụng những vấn đề cụ thể trong thực tiễn dạy học.

Hệ thống tri thức khoa học, cơ bản về hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp), về tổ chức hoạt động giáo dục; hình thành và phát triển các kỹ năng tương ứng với hệ thống tri thức khoa học nói trên, kỹ năng thực hiện hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục; bồi dưỡng, nâng cao thái độ tích cực đối với nghề giáo và công tác giáo dục.

070281 Biên phiên dịch 1: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc- viết 6)

Nội dung: Sinh viên được cung cấp và hướng dẫn cách phát triển từ vựng, thuật ngữ, và cả những kỹ năng mềm cần thiết cho việc biên- phiên dịch. Đồng thời, sinh viên sẽ thực hành các bài tập biên- phiên dịch ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống ở cấp độ căn bản.

070282 Biên phiên dịch 2: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Biên phiên dịch 1)

Nội dung: Sinh viên được cung cấp và hướng dẫn cách phát triển từ vựng, thuật ngữ, và cả những kỹ năng mềm cần thiết cho việc biên- phiên dịch. Đồng thời, sinh viên sẽ thực hành các bài tập biên- phiên dịch ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống ở cấp độ tiền trung cấp.

070283 Biên phiên dịch 3: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Biên phiên dịch 2)

Nội dung: Sinh viên được cung cấp và hướng dẫn cách phát triển từ vựng, thuật ngữ, và cả những kỹ năng mềm cần thiết cho việc biên- phiên dịch. Đồng thời, sinh viên sẽ thực hành các bài tập biên- phiên dịch ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống ở cấp độ trung cấp.

070284 Biên phiên dịch 4: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Biên phiên dịch 3)

Nội dung: Sinh viên được cung cấp và hướng dẫn cách phát triển từ vựng, thuật ngữ, và cả những kỹ năng mềm cần thiết cho việc biên- phiên dịch. Đồng thời, sinh viên sẽ thực hành các bài tập biên- phiên dịch ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống ở cấp độ nâng cao.

070279 Anh văn kinh thương 1: 3 (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc- viết 6)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết về một số khía cạnh trong kinh doanh như: xây dựng thương hiệu và nguồn lực ngoài công ty, tư vấn về quản lý, cấu trúc công ty, báo cáo tài chính, quảng cáo sản phẩm, văn hóa và quan hệ trong kinh doanh .v.v. Ngoài ra, sinh viên được nghe các bài phỏng vấn các nhà quản lý, doanh nhân để có thêm thông tin thực tế và luyện kỹ năng ghi chú.

070280 Anh văn kinh thương 2: (30, 30, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Anh văn kinh thương 1)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các vấn đề như: tuyển dụng và tính cách cá nhân, toàn cầu hóa và mậu dịch quốc tế, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ khách hàng, giải quyết khiếu nại, đạo đức trong kinh doanh, sự đổi mới công ty, giới thiệu sản phẩm, cạnh tranh thương trường v.v..

Sinh viên còn được nghe các bài phỏng vấn các chuyên gia, giám đốc điều hành, nhà quản lý doanh nghiệp .v.v về những vấn đề liên quan trong từng bài học để có thêm thông tin thực tế và luyện kỹ năng nghe hiểu và ghi chú.

070287 Dịch căn bản: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc- viết 6)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức khái quát về dịch thuật: các quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dịch Anh-việt và Việt Anh từ các mẫu câu đơn giản đến phức tạp. Các bài dịch được lựa chọn ở trình độ tiếng Anh sơ cấp và trung cấp theo các đề tài thông dụng liên quan đến văn hóa, du lịch, giáo dục, xã hội v.v.

070301 Kỹ năng tiếp thị: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc- viết 6)

Nội dung: Môn học nhằm cung cấp tiếng Anh chuyên ngành và trang bị kiến thức cơ bản trong kỹ thuật tiếp thị cho sinh viên. Vì vậy trọng tâm môn học hướng tới việc phát triển vốn từ vựng và thuật ngữ chuyên ngành thông qua các bài học. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị nghiệp vụ tiếp thị như: chiến thuật tiếp thị, phân tích thị trường, quyết định mẫu sản phẩm, nghệ thuật xác định giá sản phẩm, ...

070309 Nghệ thuật quản lý : 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe- nói 6, Đọc- viết 6)

Nội dung: Về mặt kiến thức, học phần nhằm cung cấp lý thuyết và từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành quản trị. Về mặt kỹ năng, học phần định hướng luyện cho sinh viên những kỹ năng, nghệ thuật, và nguyên tắc trong quản lý thông qua bài học lý thuyết và thực hành các tình huống khác nhau tại lớp.

070320 Soạn thảo văn thư quốc tế: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc- viết 6, Nghe – nói 6)

Nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thư từ thương mại với các đề tài như: yêu cầu thông tin, đặt hàng, thanh toán, khiếu nại, tín dụng, ngân hàng, vận chuyển hàng hóa, bảo hiểm, giao tiếp nội bộ công ty v.v.

Trọng tâm của học phần nhằm giúp sinh viên biết cách trình bày và viết các loại thư theo nội dung liên quan dựa vào những mẫu thư giao dịch có sẵn.

070322 Thực tập cuối khóa chuyên ngành Phương pháp giảng dạy: 6 (0, 360)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập)

Nội dung: Học phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn thực tế giảng dạy tiếng Anh và tạo cho sinh viên cơ hội vận dụng các kỹ năng và kiến thức đã học vào giảng dạy thực tế. Từ đó, sinh viên đúc rút kinh nghiệm, sẵn sàng bước vào sự nghiệp giảng dạy.

070444 Thực tập cuối khóa chuyên ngành biên – phiên dịch: 6 (0, 360)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Biên phiên dịch 4)

Nội dung: Sau khi hoàn tất học phần Biên phiên dịch 4, sinh viên sẽ thực tập tại các công ty như: công ty du lịch, khách sạn, các công ty kinh doanh,...

070445 Thực tập cuối khóa chuyên ngành Anh văn thương mại: 6 (0, 360)

Điều kiện tiên quyết: học phần học trước (Kỹ năng tiếp thị)

Nội dung: Sau khi hoàn tất học phần các học phần trong chương trình, sinh viên sẽ thực tập tại các công ty như: công ty du lịch, khách sạn, các công ty kinh doanh, ...

070297 Khóa luận tốt nghiệp – Ngôn ngữ Anh: 7

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐT

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

TS. Nguyễn Lan Phương

TS. NGUYỄN PHÚ THỌ